

Bản án số: 94/2022/DS-ST  
Ngày 26-8-2022  
*“Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

2. Ông **Phạm Văn Đặng**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Nhi** là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C**

Địa chỉ kinh doanh: Số 126-128, tổ 2, khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1964 (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2022). Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* - Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1965. Có mặt.

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1977. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Ngọc T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ông Nguyễn K là Chủ hộ kinh doanh K C có bán thức ăn nuôi tôm cho ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H vào năm 2019 đến khi chốt nợ ngày 15/6/2020 thì ông T bà H còn nợ số tiền 220.818.000 đồng (Có ký xác nhận vào Biên nhận nợ ngày 15/6/2020), ông T bà H hẹn đến ngày 30/8/2020 sẽ thanh toán dứt điểm nhưng đến nay vẫn chưa trả số nợ nêu trên.

Nay ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C yêu cầu ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H trả số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 220.818.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/8/2020 cho đến khi giải quyết xong theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H trình bày:***

Ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm của Đại lý K C trong quá trình nuôi tôm bị thất thoát không có lãi không có tiền trả cho Đại lý K C nên đến ngày 15/6/2020 ông T bà H có ký chốt nợ còn nợ số tiền 220.818.000 đồng cho đến nay. Do làm ăn thất bại hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả 1 lần nên xin trả dần. Về phần lãi ông T bà H xin không trả lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch được điều chỉnh tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C.

Đối với yêu cầu số nợ gốc 220.818.000 đồng: Ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H có mua vật tư thủy sản nuôi tôm của Hộ kinh doanh K C, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 15/6/2020 ông T bà H còn nợ số tiền 220.818.000 đồng, hẹn đến ngày 30/8/2020 sẽ trả dứt điểm, ông T bà H cũng thừa nhận và đồng ý trả số nợ này nhưng do nuôi tôm thất bại kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả. Vì vậy việc ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C yêu cầu ông T bà H trả số tiền 220.818.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Ông T bà H xin không trả lãi Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi lẽ nguyên đơn không chấp nhận giảm lãi và việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự. Do ông T bà H

không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả, các đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất là 10%/năm, thời gian chậm trả tiền tính đến ngày xét xử là 23 tháng 26 ngày. Lãi suất được tính như sau:  $(220.818.000 \text{ đồng} \times (10\%:12 \text{ tháng}) \times 23 \text{ tháng}) + (220.818.000 \text{ đồng} \times (10\%: 12 \text{ tháng}: 30 \text{ ngày}) \times 26 \text{ ngày}) = 43.918.246 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H phải trả cho ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C số tiền nợ gốc là 220.818.000 đồng và lãi là 43.918.246 đồng, tổng cộng: 264.736.246 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

[3] Xét việc ông T bà H xin trả dân Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện thi hành án là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T bà H bị buộc trả số tiền 264.736.246 đồng nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là:  $264.736.246 \text{ đồng} \times 5\% = 13.236.812 \text{ đồng}$ .

Hoàn trả cho ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.832.720 đồng theo biên lai số 0009060 ngày 21/6/2022 của C cục thi hành án dân sự huyện K.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

**2. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C.

Buộc ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H phải trả nợ cho ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C số tiền nợ gốc là 220.818.000 đồng và lãi là 43.918.246 đồng, tổng cộng: 264.736.246 đ (Hai trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí:

- Ông Lê Quốc T và bà Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 13.236.812 đ (Mười ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười hai đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn K – Chủ hộ kinh doanh K C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.832.720 đồng theo biên lai số 0009060 ngày 21/6/2022 của C cục thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- C cục THA DS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Thị Diễm**